

Bản án số: 242/2022/HNGĐ-ST
Ngày 22/12/2022
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN KIM NGỌC.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **MAI HUY MÂN**

Bà **LÊ THỊ CÚC**

- Thư ký phiên tòa: Ông **MAI QUỐC KHANH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 506/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đ T T H, sinh năm 1. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã Đ H, huyện C T, tỉnh T G.

Bị đơn: Anh T V B, sinh năm 1. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T T, xã T Ph, huyện C L, t T G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 15/7/2022 nguyên đơn chị Đ T T H trình bày:

Do quen biết, chị và anh B xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay.

- Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung tên T Đ B L, sinh ngày 2/01/2 và T Đ B S sinh ngày 0/12/2, hiện đang sống chung với anh B.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị xin ly hôn anh T V B, thống nhất giao 02 con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con

Theo đơn xin vắng mặt ngày 05/8/2022, bị đơn anh T V B trình bày: anh đồng ý ly hôn với chị Đ T T H; đồng ý nuôi 02 con chung và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:** Xét thấy, bị đơn anh T V B cư trú: xã T P, huyện C L, tỉnh T G. Do đó, tranh chấp ly hôn, con chung giữa chị H và anh B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chị Đ T T H và anh T V B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị H trình bày, do quen biết, chị và anh B xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, đã ly thân từ tháng 5/2022 đến nay, chị H xin ly hôn với anh B, anh B thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị H. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh, chị thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh B là phù hợp.

[3] **Về con chung:** Chị H và anh B có 02 con chung tên T Đ B L, sinh ngày 2/01/2 và T Đ B S sinh ngày 0/12/2, anh, chị thống nhất giao con chung cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay 02 con chung đang sống với anh B, cháu T Đ B S còn nhỏ, đối với cháu T Đ B L cũng có nguyện vọng sống với cha. Nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L và cháu S cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] **Về cấp dưỡng:** Anh B không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của đương sự, phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về tài sản chung, nợ chung:** Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] **Về án phí:** Chị Đ T T H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Đ T T H được ly hôn với anh T V B.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên T Đ B L, sinh ngày 2/01/20 và T Đ B S sinh ngày 0/12/2 cho anh B nuôi dưỡng

Chị H được quyền tới trông nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Chị Đ T T H không phải cấp dưỡng nuôi con, do anh B không có yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết

5. Về án phí: Chị Đ T T H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0016668 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên xem như đã thi hành xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã nơi cư trú;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Ngọc

